

CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH – THƯƠNG MẠI
TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 68/2023/TTT

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Ủy ban chứng khoán nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Du lịch – Thương mại Tây Ninh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TTT
- Địa chỉ: 1253 đường Cách mạng tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Điện thoại liên hệ: 0276.3822376
- Email: tanitour.tayninh@gmail.com Website: <https://tanitour.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2023
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):



Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 18/08/2023 tại đường dẫn: <https://tanitour.com.vn>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (*căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất*);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên 2023
- BCTC hợp nhất bán niên 2023
- Văn bản giải trình BCTC riêng bán niên 2023 số 227/DLTM
- Văn bản giải trình BCTC hợp nhất bán niên 2023 số 228/DLTM



Phan Thanh Trung

Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023
đến ngày 30 tháng 06 năm 2023

(Đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	09-22



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Nguyễn Lâm Nhi Thùy	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Hà	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên/Tổng Giám đốc
Ông Võ Trần Chí Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Cường	Thành viên

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Bùi Minh Nam	Thành viên	
Bà Bùi Thị Lâu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20/06/2023
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 20/06/2023

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;

024
NG
PH
THU
YNI
H-T

- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

068
Y
N
GM
H
TAY



Số: 180823.005/BCTC.FIS2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh được lập ngày 18 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH
Hạng Kiểm toán AASC




Đỗ Mạnh Cường
Chủ Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 08 năm 2023

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		114.257.963.778	97.579.066.368
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	4.053.386.952	10.767.075.261
111	1. Tiền		1.053.386.952	1.767.075.261
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		16.000.000.000	11.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	16.000.000.000	11.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		93.136.903.091	73.008.879.396
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	23.127.176.984	4.235.076.110
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		343.495.974	479.819.725
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	67.000.000.000	67.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.666.230.133	1.293.983.561
140	IV. Hàng tồn kho		226.385.085	2.530.000.109
141	1. Hàng tồn kho		226.385.085	2.530.000.109
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		841.288.650	273.111.602
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	821.145.956	217.008.362
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		20.142.694	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	12	-	56.103.240
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		34.753.451.268	34.710.182.194
220	I. Tài sản cố định		7.176.579.418	7.710.727.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	7.176.579.418	7.710.727.416
222	- Nguyên giá		23.453.636.253	23.022.964.966
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.277.056.835)	(15.312.237.550)
230	II. Bất động sản đầu tư	10	1.729.240.636	1.871.370.003
231	- Nguyên giá		4.246.520.993	4.246.520.993
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.517.280.357)	(2.375.150.990)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	27.053.946
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	27.053.946
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		24.931.910.430	24.931.910.430
251	1. Đầu tư vào công ty con	4	24.931.910.430	24.931.910.430
260	IV. Tài sản dài hạn khác		915.720.784	169.120.399
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	915.720.784	169.120.399
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		149.011.415.046	132.289.248.562

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		18.242.722.542	16.286.758.953
310	I. Nợ ngắn hạn		18.142.722.542	16.186.758.953
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	5.214.731.201	8.082.593.404
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.878.449.639	2.600.517.934
314	3. Phải trả người lao động		2.053.091.895	4.715.695.741
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		543.235.332	404.982.824
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		453.575.757	11.818.181
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	4.986.810.293	358.322.444
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.828.425	12.828.425
330	II. Nợ dài hạn		100.000.000	100.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	13	100.000.000	100.000.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		130.768.692.504	116.002.489.609
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	130.541.691.349	115.747.261.735
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		45.702.100.000	45.702.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.702.100.000	45.702.100.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		24.537.406.213	24.537.406.213
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.302.185.136	45.507.755.522
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		45.507.755.522	30.428.098.728
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		14.794.429.614	15.079.656.794
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		227.001.155	255.227.874
431	1. Nguồn kinh phí		177.197	177.197
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		226.823.958	255.050.677
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		149.011.415.046	132.289.248.562

Lê Văn Công
Người lập

Trần Thị Phương
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	69.665.437.194	48.447.559.815
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		1.229.040.679	659.328.361
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.436.396.515	47.788.231.454
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	51.273.210.411	35.443.638.572
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.163.186.104	12.344.592.882
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	3.232.957.632	2.621.460.659
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	19	785.844.014	755.002.061
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	3.129.434.977	3.050.216.648
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		16.480.864.745	11.160.834.832
31	11. Thu nhập khác	21	3.419.017.563	1.271.782.762
32	12. Chi phí khác	22	1.382.845.291	420.011.667
40	13. Lợi nhuận khác		2.036.172.272	851.771.095
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.517.037.017	12.012.605.927
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	3.722.607.403	2.421.721.185
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		14.794.429.614	9.590.884.742

Lê Văn Công
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận trước thuế		18.517.037.017	12.012.605.927
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT		1.208.193.683	1.685.110.925
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(3.232.957.632)	(2.621.460.659)
08	Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.492.273.068	11.076.256.193
09	(Tăng) các khoản phải thu		(18.723.816.577)	(2.947.081.556)
10	Giảm hàng tồn kho		2.234.575.933	506.915.843
11	Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		789.011.293	1.778.693.927
12	(Tăng) chi phí trả trước		(1.350.737.979)	(664.990.639)
15	Thuế TNDN đã nộp		(2.538.904.198)	(255.920.249)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	269.800.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(354.430.846)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(3.097.598.460)	9.409.242.673
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(368.330.909)	(13.592.072)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(16.000.000.000)	(14.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.864.711.060	1.830.185.316
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(3.503.619.849)	(12.183.406.756)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(112.470.000)	(25.400.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(112.470.000)	(25.400.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.713.688.309)	(2.799.564.083)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		10.767.075.261	19.201.815.095
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		3 4.053.386.952	16.402.251.012

Lê Văn Công
Người lập

Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng



Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh tiền thân là Công ty Du lịch Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh, và được cổ phần hóa theo Quyết định số 328/QĐ-CT ngày 13/04/2006 và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/03/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 ngày 05 tháng 02 năm 2007 và giấy phép sửa đổi lần thứ 13 ngày 29 tháng 06 năm 2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: TTT. Vốn điều lệ của Công ty là 45.702.100.000 VND, tương đương 4.570.210 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 70 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 87 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại và cung cấp dịch vụ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 tới 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- ▶ Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.
- ▶ Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào các công ty con được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ) được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
▶ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
▶ Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
▶ TSCĐ khác	04 – 08 năm

2.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
--------------------------	--------

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- ▶ Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.
- ▶ Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 đến 24 tháng.
- ▶ Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

2.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí kiểm toán, chi phí tiền điện và một số chi phí khác,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và lãi cho vay được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với các bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán này.

2.21 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ chỉ diễn ra tại khu vực Núi Bà tỉnh Tây Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	365.073.021	537.510.705
Tiền gửi ngân hàng	688.313.931	1.229.564.556
Các khoản tương đương tiền (*)	3.000.000.000	9.000.000.000
	4.053.386.952	10.767.075.261

(*) Tại ngày 30/06/2023, các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 4,3%/năm - 5,0%/năm.

4. Đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 30/06/2023, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 8,0%/năm - 8,5%/năm.

b) Đầu tư vào công ty con

	Mã chứng khoán	30/06/2023		01/01/2023	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	TCT	24.931.910.430	-	24.931.910.430	-
		24.931.910.430	-	24.931.910.430	-

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2023 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Núi Bà Đen, khu phố Ninh Phú, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	51,00%	Dịch vụ vận chuyển du lịch

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam	1.207.415.320	1.062.000.000
Công ty CP Mặt Trời Tây Ninh - Chi nhánh Sun World Tây Ninh	21.207.700.664	2.522.049.011
Khác	712.061.000	651.027.099
	23.127.176.984	4.235.076.110
Trong đó, bên liên quan (Thuyết minh số 26)	549.800.500	475.446.299

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Cho vay tổ chức	67.000.000.000	67.000.000.000
	67.000.000.000	67.000.000.000

Khoản cho vay các tổ chức với mục đích tối ưu nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của bên đi vay, phù hợp với quy định pháp luật với thời hạn và lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ và phụ lục điều chỉnh.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay	2.647.230.133	1.278.983.561
Khác	19.000.000	15.000.000
	2.666.230.133	1.293.983.561

8. Chi phí trả trước

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.411.326	69.329.955
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	42.720.000	79.113.845
Khác	755.014.630	68.564.562
	821.145.956	217.008.362
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	785.171.270	71.052.579
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	90.151.433	76.722.200
Khác	40.398.081	21.345.620
	915.720.784	169.120.399

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	6.633.260.216	363.929.265	13.252.743.117	2.741.232.368	31.800.000	23.022.964.966
Mua mới trong kỳ	-	464.050.000	-	-	-	464.050.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	96.093.037	-	-	-	-	96.093.037
Giảm khác	(129.471.750)	-	-	-	-	(129.471.750)
Tại ngày 30/06/2023	6.599.881.503	827.979.265	13.252.743.117	2.741.232.368	31.800.000	23.453.636.253
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	4.023.284.004	225.289.217	8.381.872.829	2.665.392.534	16.398.966	15.312.237.550
Khấu hao trong kỳ	436.786.385	11.377.509	547.397.233	70.503.189	-	1.066.064.316
Hao mòn tài sản nguồn ngân sách	-	13.238.833	9.376.652	3.557.763	2.053.471	28.226.719
Giảm khác	(129.471.750)	-	-	-	-	(129.471.750)
Tại ngày 30/06/2023	4.330.598.639	249.905.559	8.938.646.714	2.739.453.486	18.452.437	16.277.056.835
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	2.609.976.212	138.640.048	4.870.870.288	75.839.834	15.401.034	7.710.727.416
Tại ngày 30/06/2023	2.269.282.864	578.073.706	4.314.096.403	1.778.882	13.347.563	7.176.579.418

- ▶ Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 10.188.817.291 VND.
- ▶ TSCĐ của Công ty bao gồm các tài sản mua từ nguồn thu phí lệ phí để phục vụ hoạt động thu phí tham quan di tích lịch sử, thắng cảnh núi Bà Đen với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại ngày 30/06/2023 lần lượt là 396.731.998 VND và 169.908.040 VND. Giá trị còn lại của các tài sản này tại ngày 30/06/2023 là 226.823.958 VND được ghi nhận vào Mã số 432 – Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

10. Bất động sản đầu tư

Tại thời điểm 30/06/2023, bất động sản đầu tư là văn phòng cho thuê tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng Thái Dương	818.227.051	818.227.051	818.227.051	818.227.051
Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát Suntory Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	2.098.554.150	2.098.554.150	3.401.849.340	3.401.849.340
Công ty CP Ô tô Vũ Linh	-	-	1.211.000.000	1.211.000.000
Công ty TNHH MTV Cây xanh Phú Đạt	1.277.550.000	1.277.550.000	1.404.380.000	1.404.380.000
Khác	1.020.400.000	1.020.400.000	1.247.137.013	1.247.137.013
	5.214.731.201	5.214.731.201	8.082.593.404	8.082.593.404
Trong đó, bên liên quan <i>(Thuyết minh số 26)</i>	40.833.333	40.833.333	404.069.251	404.069.251

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Phát sinh trong kỳ		30/06/2023
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	19.918.370	1.705.562.013	2.683.869.875	998.226.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.538.904.198	2.538.904.198	3.722.607.403	3.722.607.403
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.015.609	266.946.231	266.713.231	7.782.609
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	56.103.240	-	-	187.010.800	130.907.560
Các loại thuế, phí khác	-	33.679.757	149.892.365	135.138.443	18.925.835
	56.103.240	2.600.517.934	4.661.304.807	6.995.339.752	4.878.449.639

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Phải trả khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	122.623.000	235.093.000
- Cổ đông khác	122.623.000	235.093.000
Thu-chi hộ Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen về phí lệ phí (*)	4.674.460.085	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	189.727.208	123.229.444
	4.986.810.293	358.322.444
Dài hạn		
Tiền đặt cọc cho thuê văn phòng	100.000.000	100.000.000
	100.000.000	100.000.000

(*) Theo hợp đồng thu chi hộ phí tham quan di tích lịch sử và thắng cảnh núi Bà Đen ngày 28/12/2022 giữa Ban Quản lý Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen và Công ty, thời gian bắt đầu thu-chi hộ kể từ ngày 01/01/2023.

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	45.702.100.000	24.537.406.213	39.568.518.728	109.808.024.941
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	9.590.884.742	9.590.884.742
Tại ngày 30/06/2022	45.702.100.000	24.537.406.213	49.159.403.470	119.398.909.683
Tại ngày 01/01/2023	45.702.100.000	24.537.406.213	45.507.755.522	115.747.261.735
Lợi nhuận kỳ này	-	-	14.794.429.614	14.794.429.614
Tại ngày 30/06/2023	45.702.100.000	24.537.406.213	60.302.185.136	130.541.691.349

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2023	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
Công ty CP Địa Cầu	11.197.010.000	24,50%	11.197.010.000	24,50%
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Công ty TNHH Olympia	10.968.500.000	24,00%	10.968.500.000	24,00%
Các cổ đông khác	12.568.090.000	27,50%	12.568.090.000	27,50%
	45.702.100.000	100,00%	45.702.100.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
- Vốn góp cuối kỳ	45.702.100.000	45.702.100.000
Cổ tức:		
- Cổ tức phải trả đầu kỳ	235.093.000	215.093.000
- Cổ tức đã chi trả bằng tiền	112.470.000	25.400.000
+ Cổ tức chia trên lợi nhuận năm trước	112.470.000	25.400.000
- Cổ tức phải trả cuối kỳ	122.623.000	189.693.000

d. Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
- Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/ cổ phiếu.

15. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký 01 (một) hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh tại đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê 50 năm từ năm 2006. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn có hợp đồng thuê tài sản số 02B/2023/HDTTS/STN-TTT ngày 02/01/2023 thuê công trình hạ tầng, công trình hiện trạng của bãi gửi xe tại Khu Du lịch Quốc gia Núi Bà Đen để phục vụ hoạt động kinh doanh, thời hạn thuê đến 31/12/2023.

16. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động bán hàng hóa	25.487.929.206	13.388.953.437
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.903.163.636	5.165.729.461
Hoạt động cho thuê mặt bằng, quảng cáo	1.712.545.455	2.075.681.829
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	6.412.368.181	5.909.049.528
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	29.847.628.941	19.710.614.986
Khác	1.301.801.775	2.197.530.574
	69.665.437.194	48.447.559.815

17. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hoạt động bán hàng hóa	21.806.069.063	11.483.970.726
Hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.512.853.738	1.500.532.868
Hoạt động cho thuê mặt bằng, quảng cáo	307.083.189	280.642.874
Hoạt động cung cấp dịch vụ giữ xe các loại	5.082.134.682	4.282.671.876
Hoạt động cung cấp dịch vụ dọn vệ sinh, cảnh quan	22.253.058.345	16.310.969.370
Khác	312.011.394	1.584.850.858
	51.273.210.411	35.443.638.572

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, cho vay	3.232.957.632	2.621.460.659
	3.232.957.632	2.621.460.659

19. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	617.293.439	564.999.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.674.330	119.985.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	5.135.122
Chi phí bằng tiền khác	70.876.245	64.881.952
	785.844.014	755.002.061

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên	2.567.682.628	2.434.827.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	61.202.542	127.940.937
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.122.298	335.588.946
Chi phí khác	119.427.509	151.859.661
	3.129.434.977	3.050.216.648

21. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản hỗ trợ bán hàng và trưng bày sản phẩm	2.984.540.000	1.167.294.667
Khác	434.477.563	104.488.095
	3.419.017.563	1.271.782.762

22. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hỗ trợ trưng bày sản phẩm	973.935.000	420.011.667
Khác	408.910.291	-
	1.382.845.291	420.011.667

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.517.037.017	12.012.605.927
Các khoản điều chỉnh tăng	96.000.000	96.000.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>96.000.000</i>	<i>96.000.000</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	18.613.037.017	12.108.605.927
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.722.607.403	2.421.721.185
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.538.904.198	255.920.249
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(2.538.904.198)	(255.920.249)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	3.722.607.403	2.421.721.185

24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, CCDC	12.054.435.155	8.489.260.265
Chi phí nhân công	14.751.721.466	13.580.750.416
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.208.193.683	1.685.110.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.052.512.005	2.221.961.843
Chi phí khác bằng tiền	2.315.558.030	1.787.803.106
	33.382.420.339	27.764.886.555

25. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

26. Số dư với các bên liên quan

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2023	01/01/2023
		VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn			
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	549.800.500	475.446.299
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	Công ty con	40.833.333	404.069.251
Phải trả ngắn hạn khác			
Cổ tức phải trả các cổ đông	Chủ sở hữu	122.623.000	235.093.000

27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

28. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 18 tháng 08 năm 2023


Lê Văn Công
Người lập


Trần Thị Phượng
Kế toán trưởng


Trần Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 18 tháng 08 năm 2023